UBND XÃ GIANG THÀNH **VĂN PHÒNG HĐND-UBND**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 111 /VP-TH	*Giang Thành, ngày 11 tháng 8 năm 2025*
V/v đăng ký kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2035	

HỎA TỐC

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH
ĐẾN Số:.....
Ngày: 12/8/2025
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQVN xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản;
- Trung tâm y tế.

Căn cứ Công văn số 1271/SNNMT-VPĐP ngày 08/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng ký kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2035.

Truyền đạt ý kiến chỉ đạo của đồng chí Trần Ngọc Bích, Phó Chủ tịch UBND xã giao các đơn vị chủ quản đề xuất nhu cầu nguồn lực thực hiện các nội dung thành phần và tiểu nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2026, giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035.

Trong đó: các đơn vị cần xác định rõ các nguồn lực, nhu cầu vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); dự kiến vốn ngân sách địa phương bố trí trực tiếp thực hiện Chương trình (ngân sách tỉnh, ngân sách xã); nguồn vốn huy động hợp pháp… *(đính kèm phụ lục).* **(thời gian hoàn thành chậm nhất trước ngày 12/8/2025).**

Văn phòng HĐND-UBND xã thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND xã đến các đơn vị biết để thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- LĐVP, CVPT;
- Lưu: VT, ntmngon.

CHÁNH VĂN PHÒNG

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIANG THÀNH

Phùng Thị Bích Hải

PHỤ LỤC II

DỰ KIẾN NHU CẦU NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026-2035

(Kèm theo Công văn số 11/VP-TH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng HĐND-UBND)

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
A	*B*	*1=2+3+*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11+16*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17=18+21+2*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	
I	**Nhóm nội dung 01: Hoàn thiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới đảm bảo đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững** *(gồm 03 nội dung cụ thể)*																									Phòng Kinh tế
1	Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo từng nhóm xã; quy hoạch quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tính hình kinh tế - xã hội của xã. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tại trung tâm xã được phê duyệt và triển khai thực hiện hoặc được tích hợp trong Quy hoạch chung xã																									
2	Nội dung 02: Rà soát, tích hợp nội dung Chương trình vào quy hoạch cấp tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch																									
3	Nội dung 03: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.																									
II	**Nhóm nội dung 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu** *(gồm 14 nội dung cụ thể)*																									
1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa các xã và với trung tâm tỉnh, khu vực đô thị, vùng sản xuất và dịch vụ. Trong đó, ưu tiên tiền hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo.																									
2	Nội dung 02: Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, phù hợp với đặc thù từng vùng miền, trong đó, ưu tiên tiền hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo. Nâng cao năng lực các tổ chức khai thác công trình thủy lợi đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững.																									
3	Nội dung 03: Tăng cường năng lực ứng phó, phòng, chống thiên tai cấp xã thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu và tổ chức lực lượng xung kích cộng đồng, đặc biệt tại các xã ven biển, trung du, miền núi và vùng có nguy cơ rủi ro cao.																									Phòng Kinh tế
4	Nội dung 04: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) phù hợp điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.																									
5	Nội dung 05: Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đạt chuẩn, phù hợp với đặc trưng văn hóa của từng vùng miền và điều kiện sinh hoạt của người dân nông thôn, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo.																									
6	Nội dung 06: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trường học các cấp; cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản và đào tạo nghề tại chỗ, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho địa bàn các xã nghèo.																									
7	Nội dung 07: Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị cho hệ thống y tế cơ sở theo hướng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho địa bàn các xã nghèo.																									Trung tâm Y tế
8	Nội dung 08: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo; chợ an toàn thực phẩm cấp xã (ở những nơi có điều kiện và nhu cầu phát triển); hình thành chợ thương mại điện tử; hệ thống logistics nông sản gắn với vùng sản xuất hàng hóa.																									
9	Nội dung 09: Phát triển hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung, cụm sơ chế, chế biến, giao thông nội đồng, kho bãi,...từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất. Nâng cấp hạ tầng làng nghề, cụm làng nghề *(điện, nước, xử lý môi trường, trưng bày sản phẩm)*, phù hợp với sản xuất hộ, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ và vừa.																									

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
10	Nội dung 10: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã; đầu tư điểm kết nối số, hạ tầng chính quyền số phục vụ công cộng và chính quyền số. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo.																									Phòng Kinh tế
11	Nội dung 11: Phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã, bảo đảm chất lượng nước đạt quy chuẩn; ưu tiên đầu tư tại các xã nghèo, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, khu vực bãi ngang, ven biển, biên giới và hải đảo.																									
12	Nội dung 12: Phát triển hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn tập trung quy mô xã, liên xã, liên tỉnh theo các hình thức đối tác công tư (PPP), khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường.																									
13	Nội dung 13: Thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng.																									
14	Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng.																									Phòng Kinh tế
III	**Nhóm nội dung 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường** *(gồm 09 nội dung cụ thể)*																									
1	Nội dung 01: Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và thích ứng với thị trường. Ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất tốt *(VietGAP, GlobalGAP)*, sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.																									
2	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp.																									
3	Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và đảm bảo an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị, chế biến sâu và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu.																									
4	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP, theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh.																									
5	Nội dung 05: Bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống theo hướng gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa địa phương.																									
6	Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Ưu tiên xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững, đặc biệt tại các xã nghèo.																									
7	Nội dung 07: Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ nông thôn; từng bước phát triển các mô hình "Chợ số", nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.																									
8	Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, trung tâm sơ chế, chế biến tại các vùng nguyên liệu tập trung, vùng khó khăn và vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.																									
9	Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.																									

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
IV	**Nhóm nội dung 04: Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn và hỗ trợ tạo việc làm bền vững** *(gồm 03 nội dung cụ thể)*																									**Phòng Kinh tế**
1	Nội dung 01: Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động nông thôn theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế. Ưu tiên đào tạo cho các đối tượng là phụ nữ, người lớn tuổi, lao động từ các khu công nghiệp trở về nông thôn. Trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm học tập cộng đồng cấp xã. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo; hỗ trợ trang thiết bị, tài liệu số, tập huấn giáo viên, phát triển hệ thống kiểm định chất lượng đào tạo nghề và đánh giá kỹ năng nghề theo chuẩn đầu ra.																									
2	Nội dung 02: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.																									
3	Nội dung 03: Giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua việc làm công tại các công trình, dự án từ các chương trình, dự án đầu tư công.																									
4	Nội dung 04: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA).																									
V	Nhóm nội dung 05: Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng sống người dân *(gồm 03 nội dung cụ thể)*																									**Phòng Văn hóa - Xã hội**
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể. Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao phù hợp với đặc trưng vùng, miền, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao, không gian văn hóa cộng cộng. Khuyến khích các mô hình tự quản văn hóa ở thôn, bản, khu dân cư.																									
2	Nội dung 02: Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Mở rộng độ bao phủ và chất lượng dịch vụ bảo hiểm y tế. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống tại các xã nghèo.																									
3	Nội dung 03: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân nông thôn. Duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập. Phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống tại các xã nghèo.																									
VI	Nhóm nội dung 06: Giảm nghèo và An sinh xã hội *(gồm 06 nội dung cụ thể)*																									**Phòng Văn hóa - Xã hội**

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
1	Nội dung 01: Đào tạo nghề cho lao động nghèo khu vực đô thị: Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo phù hợp với thị trường đô thị, tập trung vào các ngành nghề có nhu cầu cao tại các thành phố lớn như: du lịch - dịch vụ (lễ tân, phục vụ nhà hàng, khách sạn), chăm sóc sức khỏe (điều dưỡng, chăm sóc người già), thương mại điện tử (bán hàng online, quản lý kho), logistic...; phát triển các chương trình đào tạo linh hoạt thông qua tổ chức các khóa học ngắn hạn, các buổi tập huấn chuyên đề theo từng kỹ năng cụ thể, giúp người lao động nghèo có thể tham gia và học nghề một cách nhanh chóng, hiệu quả. Ứng dụng công nghệ trong đào tạo: Sử dụng các nền tảng học trực tuyến (e-learning), ứng dụng di động để cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản. Phương pháp này giúp người học có thể học mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm chi phí di chuyển. Liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp: Các trường, trung tâm dạy nghề cần ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, khu công nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng, đảm bảo học viên sau khi ra trường có việc làm ngay. Hỗ trợ đào tạo kết hợp sản xuất. Tạo cơ chế để các cơ sở đào tạo nghề liên kết với các làng nghề, hợp tác xã tại đô thị, vừa dạy nghề vừa sản xuất sản phẩm, giúp học viên có thu nhập ngay trong quá trình học.																									
2	Nội dung 02: Giải quyết việc làm cho lao động nghèo khu vực đô thị thông qua phát triển bộ sinh thái việc làm đô thị nhằm: hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ (kinh tế Gig), các nền tảng kết nối việc làm linh hoạt, giúp người lao động nghèo dễ dàng tiếp cận các công việc thời vụ, bán thời gian; tổ chức các dự án phát triển cộng đồng tại các khu dân cư nghèo (vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, phát triển các dịch vụ tiện ích nhỏ... để tạo việc làm cho người dân địa phương). Hỗ trợ lao động tự tạo việc làm thông qua các khoản vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho lao động nghèo khởi nghiệp, tự tạo việc làm. Đồng thời, tư vấn về kế hoạch kinh doanh, marketing...																									
3	Nội dung 03: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình giảm nghèo phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn																									
4	Nội dung 04: Chăm sóc và cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi; hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn xã nghèo.																									
5	Nội dung 05: Chăm sóc và bảo vệ trẻ em gái, trẻ em yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật tại cộng đồng nông thôn. Phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở; phát triển dịch vụ chăm sóc thể chất - tinh thần và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.																									
6	Nội dung 06: Tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, giám sát an toàn thực phẩm.																									
7	Nội dung 07: Thúc đẩy bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế – xã hội cấp xã. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới, nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.																									
8	Nội dung 08: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao.																									
9	Nội dung 09: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình; hỗ trợ sử dụng nước sinh hoạt bảo đảm quy chuẩn.																									
10	Nội dung 10: Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá cộng đồng hạnh phúc trên cơ sở bảo đảm an sinh xã hội, điều kiện sống, phục vụ của chính quyền địa phương và các yếu tố liên quan.																									

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
VII	**Nhóm nội dung 07: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn** *(gồm 02 nội dung cụ thể)* .																									**Phòng Văn hóa - Xã hội**
1	Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hướng tới "nông nghiệp sinh thái", "nông thôn hiện đại", "nông dân văn minh". Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống và phát triển kinh tế nông thôn.																									
2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào "Bình dân học vụ số" trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; phát triển và nhân rộng các mô hình *"thôn nông thôn mới thông minh"* .																									
VIII	**Nhóm nội dung 08: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu** *(gồm 03 nội dung cụ thể)*																									**Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản**
1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải sinh hoạt, nước thải và chất thải nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển mô hình tiêu dùng xanh, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn cấp hộ, cấp cộng đồng.																									
2	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm.																									
3	Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình "nông nghiệp xanh".																									
IX	Nhóm nội dung 09: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững *(gồm 07 nội dung cụ thể)*																									
1	Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp.																									**Trung tâm phục vụ hành chính công lập danh mục, Phòng VHXH tổng hợp**
2	Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.																									**Trung tâm phục vụ hành chính công lập danh mục, Văn phòng HĐND-UBND tổng hợp**
3	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; xây dựng "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc" trên địa bàn nông thôn; tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội, công tác giảm nghèo thông qua "Quỹ Vì người nghèo" và các hoạt động an sinh xã hội.																									**Ủy ban MTTQVN xã**
4	Nội dung 04: Triển khai hiệu quả Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự", "5 cùng"																									**Ủy ban MTTQVN xã (Hội Nông dân)**
5	Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035"; Đề án "Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030"																									**Ủy ban MTTQVN xã (Hội LHPN)**
6	Nội dung 06: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 có, 3 sạch"; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.																									

TT	Nội dung thành phần/nội dung cụ thể	Nhu cầu nguồn lực năm 2026								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2026-2030								Nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2031-2035								Đơn vị chủ trì
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	Tổng cộng	NSTW	Trong đó		NSĐP	Trong đó		Vốn huy động khác (ND,DN...)	
				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã				Vốn ĐT	Vốn SN		NS tỉnh	NS xã		
7	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả chương trình "Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030"; đề án "Tri thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới"; thúc đẩy phong trào "Thanh niên nông thôn sản xuất - kinh doanh giỏi"																									Ủy ban MTTQVN xã (Đoàn TN)
X	Nhóm nội dung 10: Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng *(gồm 03 nội dung cụ thể)*																									
1	Nội dung 01: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, biện pháp bảo đảm và bồi thường của Nhà nước cho người dân nông thôn, đặc biệt là người nghèo, cận nghèo, người yếu thế; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở nhằm giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn.																									Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Nội dung 02: Bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự ...; nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"*; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cộng đồng, phù hợp với đặc điểm vùng, miền, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số trong đảm bảo an ninh, trật tự khu vực nông thôn																									Công an xã
3	Nội dung 03: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững																									Ban Chỉ huy Quân sự xã
XI	Nhóm nội dung 11: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả các Phong trào xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững *(gồm 04 nội dung cụ thể)*																									
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.																									Phòng kinh tế
2	Nội dung 02: Bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM và GNBV, đặc biệt là cán bộ cơ sở; đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM và GNBV.																									
3	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.																									Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản
4	Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Phong trào "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2026-2030.																									Ủy ban MTTQVN xã

SỞ Y TẾ AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số:.....111..1.UP.-.TH.....ngày,.....11.tháng.....8.năm 2025.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;.....P. KNNV.....

- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

.....

.....

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);.....

.....

- Ngày,.....tháng .....năm.....cho ý kiến phân phối, giải quyết.....

.....

.....

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

.....

.....

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

Trần Thị Thu Liệt